

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN T LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 39 N 12, tổ 82, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn*: Ông **Mai Văn Tr**, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 39 N 12, tổ 82, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/01/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận T ly hôn giữa: Bà Bùi Thị T và ông Mai Văn Tr (Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị T và ông Mai Văn Tr nên giấy chứng

nhận kết hôn số 113; quyển số 01/2002 do UBND phường N, quận S cấp ngày 01/7/2002 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Mai Văn Tr thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà T và ông Tr xác định vợ chồng có 02 con chung: Mai Thị Trúc Ngân, sinh ngày 24/5/2005 và Mai Việt Thái, sinh ngày 28/7/2014. Ly hôn, giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ngày 04/01/2023, ông Tr có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Do đó đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Mai Văn Tr đối với bà Bùi Thị T.

- Về nợ chung: Bà T và ông Tr xác định không có.

- Về án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng bà T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006596 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Mai Văn Tr 13.700.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí DS-ST (chia tài sản chung) theo biên lai thu số 0006609 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui

định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh

